

Số: /QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày tháng 8 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình
Cấp nước sinh hoạt xã Mông Ân, huyện Bình Gia

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 81/TTr-SXD ngày 18/8/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Cấp nước sinh hoạt xã Mông Ân, huyện Bình Gia với các nội dung như sau:

- 1. Tên dự án:** Cấp nước sinh hoạt xã Mông Ân, huyện Bình Gia.
- 2. Chủ đầu tư:** Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn.
- 3. Mục tiêu đầu tư xây dựng:** đầu tư xây dựng Công trình cấp nước sinh hoạt xã Mông Ân, huyện Bình Gia nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt, đảm bảo cấp nước cho 282 hộ dân hiện tại (337 hộ dân trong tương lai) thuộc xã Mông Ân, huyện Bình Gia.

4. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng

Xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch tại xã Mông Ân, huyện Bình Gia với công suất thiết kế 140m³/ngày đêm. Nguồn nước được lấy từ hai nguồn: Khuổi Ký và Khuổi Quấn (nguồn nước Khuổi Ký đã được đầu tư xây dựng từ giai đoạn trước) dẫn về trạm xử lý (lọc và khử trùng), làm sạch, cấp tới khu dân cư, gồm các hạng mục công trình sau:

- Bể đầu nguồn Khuổi Quán, gồm có: 01 đập dâng và 01 bể lọc.
- Trạm xử lý nước: 01 tầng, diện tích xây dựng bằng diện tích sàn 25,59m²; thiết bị lắp đặt: bình lọc nước, thiết bị khử trùng và máy bơm.
- Bể chứa nước: thể tích 88,67m³.
- Mạng lưới đường ống dẫn nước, gồm 15 tuyến, tổng chiều dài 10.800m, trong đó: 01 tuyến ống nước thô chiều dài 3.934m và 14 tuyến nhánh, tổng chiều dài 6.866m.

5. Tổ chức tư vấn khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng Thành An Lạng Sơn.

6. Địa điểm xây dựng: xã Mông Ân, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn.

7. Diện tích sử dụng đất của dự án: 3.900m², trong đó:

- Diện tích chiếm đất vĩnh viễn (bể đầu nguồn, trạm xử lý, bể chứa nước, hồ van, đất đặt đồng hồ): 200m².

- Diện tích đất chiếm tạm thời (các tuyến ống): 3.700m².

8. Loại, cấp công trình: công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

9. Số bước thiết kế: 01 bước.

10. Các giải pháp thiết kế chủ yếu

a) Bể đầu nguồn Khuổi Quán (gồm 01 đập dâng và 01 bể lọc):

- Đập dâng: vị trí xây dựng tại đầu nguồn Khuổi Quán; cao độ thấp nhất đáy đập +213,6m, cao độ đỉnh đập +214,5m; tổng chiều dài đập 3,0m, chiều cao đập 0,9m, mặt đập rộng 0,3m; mặt cắt đập dạng hình thang, mái hạ lưu 1/0,75; thành bằng bê tông xi măng mác 200.

- Bể lọc: vị trí đặt cách đập dâng đầu nguồn 6m; cao độ đáy bể +212,85m; cao độ nắp bể +214,25m; kích thước bể (2,55x1,44x1,3)m; đáy bể bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200, dày 20cm; thành bể xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75; nắp bể bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200, dày 10cm; bể chia 02 ngăn, tường ngăn xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, dày 11cm; trát bên trong, bên ngoài bằng vữa xi măng cát mác 100; thành trong và đáy bể đánh màu bằng vữa xi măng mác 100, dày 2cm.

b) Trạm xử lý nước:

- Nhà trạm:

- + Giải pháp thiết kế kiến trúc: công trình 01 tầng, mặt bằng hình chữ nhật, kích thước theo tim tường (7,22x3,22)m; chiều cao tôn nền 0,35m; chiều cao công trình 4,35m; mái dốc lợp tôn dày 0,42 mm.

- + Giải pháp thiết kế kết cấu: Móng băng, giằng móng bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200; móng và tường xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 50, tường dày 22cm, giằng tường bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200; mái lợp tôn dày 0,42 mm trên hệ xà gồ thép hộp (60x30x1,6)mm.

+ Giải pháp hoàn thiện: Nền bằng bê tông đá (1x2)cm, mác 200, dày 10cm. Tường trong, tường ngoài nhà quét vôi ve 1 nước trắng, 2 nước màu; cửa đi dùng cửa thép.

+ Giải pháp cấp điện: nguồn điện được lấy từ lưới điện chung đã có, điểm đầu nối cách công trình 100m về phía Đông Nam khu đất, dây dẫn dùng cáp AL/PVC/XLPE (4x25)mm² treo trên 02 cột thép đầu Nhà trạm xử lý, cột bằng thép tráng kẽm đường kính d=76mm cao 3,5m, kích thước móng cột (40x40x80)cm bằng bê tông xi măng mác 150; dây dẫn từ cột về tủ điện tổng đặt trong trạm xử lý loại dây CXV/SWA (3x10+1x6)mm²; tủ điện tổng cấp điện cho: máy bơm bằng dây dẫn CXV/SWA (3x10+1x6)mm²; cấp cho các bóng đèn chiếu sáng bằng dây dẫn Cu/pvc/pvc(2x1,5)mm²; cấp cho bảng điện đèn UV bằng dây dẫn loại Cu/PVC/PVC (2x8)mm², tủ bảng điện cấp cho các bóng đèn UV dùng loại Cu/PVC/PVC (2x4)mm².

+ Giải pháp thoát nước mái: nước mưa từ mái chảy theo mái tôn, thoát ra ngoài theo độ dốc tự nhiên của địa hình vào rãnh thoát nước giao thông.

- Lắp đặt các thiết bị gồm:

+ Cụm bình lọc áp lực (số lượng 04 bình): Bình bằng thép đường kính 0,7m, cao 2,0m, dày 4mm; vật liệu lọc từ trên xuống gồm các lớp: Cát lọc thạch anh (0,5-0,65)cm, sỏi (0,6-1,0)cm, sỏi (1x2)cm. Cụm bình lọc được đặt trên bề mặt bê tông cốt thép mác 200, kích thước (6,3x1,2x0,3)m.

+ Hệ thống khử trùng bằng tia cực tím (tia UV), dùng bóng đèn phát tia cực tím, công suất 40W-220V (số lượng 04 bóng).

+ Máy bơm tăng áp, số lượng 02 máy, công suất (6-24)m³/h.

+ Lắp đặt 01 đồng hồ đo lưu lượng (d=80mm) tổng kiểm soát thất thoát có lưu lượng đo trung bình 7m³/h.

c) Bể chứa nước:

Vị trí cách trạm xử lý 12m về phía Đông Bắc, cao độ đáy bể +187,65m, cao độ nắp bể +190,88m. Kích thước bể (6,62x4,1x3,23)m; lót móng bằng bê tông xi măng đá (1x2)cm, mác 150, dày 10cm; đáy bể bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200, dày 25cm; thành bể bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200, dày 20cm; nắp bể bằng bê tông cốt thép đá (1x2)cm, mác 200, dày 8cm; bể được chia 04 ngăn, tường ngăn xây bằng gạch không nung, vữa xi măng cát mác 75, dày 22cm; trát bên trong, bên ngoài bằng vữa xi măng cát mác 100; thành trong và đáy bể đánh màu bằng vữa xi măng mác 100.

d) Mạng lưới đường ống dẫn nước, gồm 15 tuyến, tổng chiều dài 10.800m, trong đó:

- Tuyến ống nước thô (ký hiệu Tc): từ Đập dâng (điểm đầu đặt ống có cao độ +214,3m), qua bể lọc đầu nguồn dẫn nước về trạm xử lý nước (cao độ đặt ống vào trạm xử lý +188,12m) có tổng chiều dài là 3.934m. Trong đó: sử dụng đường ống HDPE PN10 đường kính d=75mm, dài 3.928m và ống thép mạ kẽm đường kính d=67mm, dài 6m (tại các đoạn qua lòng suối, qua các khe, vách đá ống cấp

nước được luân qua các ống thép mạ kẽm để bảo vệ); trên tuyến có 02 van xả cát và 02 van xả khí được đặt trong hố van.

- Tuyến nhánh: gồm 14 tuyến, cung cấp nước cho 282 hộ dân trong vùng dự án theo thiết kế. Nước từ Bể chứa nước sau Trạm xử lý được dẫn đến cụm dân cư bằng ống nhựa HDPE PN10, có tổng chiều dài 6.866m, trong đó: ống d=90mm, dài 756m; d=63mm, dài 5.643m; d=32mm, dài 467m (tại các đoạn qua lòng suối, qua các khe, vách đá ống cấp nước được luân qua các ống thép mạ kẽm để bảo vệ). Trên tuyến có 09 van điều tiết được đặt trong hố van.

11. Tổng mức đầu tư: **3.940.790.098** đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 2.853.667.435 đồng;
- Chi phí thiết bị: 269.350.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án: 62.756.621 đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 521.728.896 đồng;
- Chi phí khác: 45.630.475 đồng;
- Chi phí dự phòng: 187.656.671 đồng.

12. Nguồn vốn đầu tư

- Vốn Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả vay vốn Ngân hàng Thế giới: 90%.

- Vốn đối ứng từ ngân sách tỉnh, Nhân dân đóng góp và các nguồn vốn hợp pháp khác: 10%.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

14. Thời gian thực hiện dự án: năm 2020 - 2021.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Trung tâm Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Bình Gia và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- C, PCVP UBND tỉnh,
Phòng TH-NC, Trung tâm TH-CB, PVHCC;
- Lưu: VT, KT(PVĐ).

CHỦ TỊCH

Hồ Tiến Thiệu